

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Ngày soạn: 15/11/2025
Ngày dạy: Tuần 15-17
Tiết 43-50

BÀI 5

NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thời gian thực hiện: 8 tiết
(Đọc: 04 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 02 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

2. Về năng lực:

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp các phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất: Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt lên mọi trở ngại.

- HS biết rèn luyện đạo đức lối sống: Phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và sống có trách nhiệm với quê hương đất nước.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết: 43, 44

VĂN BẢN 1: SỐNG HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

(Trích *Hăm- lét* – *Hamlet*)

Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare)

(02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc...qua đoạn trích *Sống, hay không sống- đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm- lét*

2. Về năng lực:

- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích; làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, hành động kịch, nhân vật chính, phụ.

- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích.

3. Về phẩm chất:

- HS đồng cảm được với những tâm trạng trăn trở, những suy nghiệm của nhân vật *Hăm-lét* về cuộc đời, về chính mình. Từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt kên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức



Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Gv tổ chức cho lớp Yêu cầu: trong 2 phút các Hs xung phong lên bảng ghi tên các vở kịch mà bản thân biết?

Gv nhận xét, cho điểm, định hướng vào bài.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: kết nối với bài học – tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS để HS mong muốn khám phá kiến thức mới

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Cho HS xem một đoạn trong vở kịch Hăm - lét trên You Tube. GV hỏi HS: Em có cảm nhận gì về vở kịch? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe, suy nghĩ trả lời B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi HS trả lời, các HS khác bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới. - GV dẫn vào bài mới	- Hs nhận diện được tuyến nhân vật trong vở kịch. - Diễn biến vở kịch.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được những thông tin quan trọng nhất trong phần *Tri thức ngữ văn*.

b. Nội dung:

- Đọc nội dung phần *Tri thức ngữ văn*.
- Tóm tắt kiến thức cần tìm hiểu.
- Thảo luận, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- Tóm tắt kiến thức của HS.
- Chốt kiến thức chuẩn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các thuật ngữ trong phần Tri thức ngữ văn. B1. Chuyển giao nhiệm vụ:	1. Bi kịch - Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. Thông qua sự dàn cảnh, luân chuyển lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật trên sân khấu, bi kịch tập trung diễn

GV nêu nhiệm vụ: (trong tiết học trước) (1) Kịch có những loại cơ bản nào? (2) Những đặc điểm cơ bản của bi kịch? (3) Nhân vật chính trong bi kịch thường có cuộc đời, số phận đặc biệt nào? (4) Vì sao đọc bi kịch lại giúp thanh lọc tâm hồn con người? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS tự thực hiện nhiệm vụ 1 ở nhà, báo cáo kết quả tại lớp - HS trả lời câu hỏi được giao B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày những gì mình đã tìm hiểu trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>. - Thảo luận, phản biện các câu trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại những thông tin quan trọng nhất trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>. GV: Bi kịch lịch sử lấy đề tài trong lịch sử, tôn trọng sự thật. Bi kịch có những mâu thuẫn không thể giải quyết. Nhân vật bi kịch thường là những anh hùng, nghệ sĩ, con người có khát vọng cao đẹp, cũng có khi sai lầm bị trả giá, phải hi sinh cho lí tưởng. Kết thúc bi kịch thường bi thảm, giá trị nhân văn, cái đẹp được khẳng định và tôn vinh. GV(mở rộng): Pha – đề – ép có nói: Xung đột là cơ sở của kịch. Xung đột trong tác phẩm kịch là sự phát triển cao nhất sự mâu thuẫn của hai hay nhiều lực lượng đối lập thông qua một sự kiện hay một diễn biến tâm lí cụ thể được thể hiện trong mỗi màn, mỗi hồi kịch.	tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tốt độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. Việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột như vậy làm nên cốt truyện bi kịch. - Bi kịch thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. - Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người. 2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch a. Nhân vật chính trong bi kịch: - Nhân vật chính trong bi kịch: mang khát vọng cao đẹp, có tính cách mạnh mẽ, có khả năng lựa chọn hành động tự do xuất phát từ chính kiến, đức tin của mình, song lựa chọn này xung đột với hoàn cảnh thực tế hoặc gặp phải những trở ngại ngay trong bản tính cố hữu. - Nhân vật chính trong bi kịch thường trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. - Tương ứng với sự phức tạp của nhân vật, lời thoại của bi kịch thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục. b. Xung đột trong bi kịch: là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với các yếu tố vốn được thể hiện qua những thế lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội... 3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch: - Khi theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật, để rồi sau đó thấy căm ghét cái tệ nạn, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.
---	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ.

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tiểu sử, vị trí, các tác phẩm chính, văn phong của Sếch – xpia.

- HS nắm được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm và đoạn trích.

b. Nội dung: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr.130/SGK. - Dựa vào phần tiểu dẫn trong SGK, em hãy tóm tắt vài nét cơ bản về Uy-li-am Sếch-xpia? - HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm đôi (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm) HS hoàn thành phiếu học tập số 1: những yếu tố nào trong thời đại, cuộc đời góp phần hình thành nên tài năng viết kịch xuất sắc của Sếch-xpia? B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện vụ trong phiếu bài tập B3: Báo cáo thảo luận: - HS báo cáo kết quả thảo luận. - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. B4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Uy-li-am Sếch-xpia (1564-1616) - Tác giả: William Shakespeare là nhà viết kịch, nhà thơ vĩ đại người Anh thời Phục hưng. - Quê hương, gia đình: ông sinh ra và lớn lên tại thị trấn Xơ-rét-phớt (Stratford) ở tây nam nước Anh trong một gia đình buôn bán len dạ. - Cuộc đời: + Khoảng năm 14 tuổi, do gia đình sa sút, Sếch-xpia phải thôi học. + Khoảng năm 1585, ông lên thủ đô kiếm sống, tham gia giúp việc cho một đoàn kịch, trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm đạo diễn, rồi người đồng sở hữu đoàn kịch. + Năm 1599, Sếch-xpia tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu. - Sự nghiệp sáng tác: + Gồm 37 vở kịch , 4 bản trường ca và 154 bài thơ Xon-nê (sonnet) , được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau. + Kịch của Sếch-xpia bao gồm nhiều thể loại (kịch lịch sử, hài kịch, bi kịch, bi hài kịch), trong đó nổi bật là bi kịch với nhiều kiệt tác như: Ro-mê-ô và Giu-li-ét, Vua Lia, Ô-ten-lô, Mắc-bét và đặc biệt là Hăm-lét. + Bi kịch của Sếch-xpia chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc, được thể hiện qua các hình tượng nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; qua lời thoại sắc sảo, tinh tế; qua nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập trung. Sếch-xpia thường xây dựng các vở bi kịch của mình trên một số cốt truyện, truyền thuyết có sẵn nhưng ông đã mở rộng, khơi
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu HS làm việc theo bàn: sau khi xem tóm tắt vở kịch trên You Tube,	

đọc tóm tắt SGK, em hãy hệ thống lại những sự kiện chính của vở kịch? Từ đó, xác định vị trí của đoạn trích “Sống, hay không sống- đó là vấn đề”?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: (đã chuẩn bị ở nhà và làm việc cặp đôi trên lớp)

B3. Báo cáo thảo luận:

- Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

sâu chủ đề để xây dựng nên những hình tượng bất tử.

2. Vở kịch *Hăm-lét*

- Bi kịch Hamlet là vở kịch nổi tiếng được Shakespeare sáng tác vào những năm 1599-1601 dựa trên câu chuyện hoàng tử xứ Đan Mạch thời Trung cổ là Ăm-lét trả thù cho cha. Ông đặt nhân vật vào bối cảnh hậu kì Phục hưng, khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tại lịch sử.

-Tóm tắt:

+ Hồi I-II: Được tin thân phụ là quốc vương Đan Mạch đột ngột băng hà, thái tử Hăm-lét (đang học tại Đức) vội vàng về chịu tang. Về đến triều đình chàng được cha báo mộng: chú ruột chàng là Clô-đi-út đã mưu sát anh trai để cướp ngôi, mẹ chàng cũng đã tái giá cùng ông ý. Hăm-lét đã giả điên để chờ cơ hội báo thù. Nhà vua cử người theo dõi, giám sát Hăm-lét để muốn rõ thực hư về bệnh điên của chàng.

+ Hồi III: Vua và cận thần Pô-lô-ni-út bố trí nghe trộm cuộc trò chuyện giữa Hăm-lét và người yêu của chàng Ô-phê-li-a. Ô-phê-li-a trả lại Hăm-lét kỉ vật tình yêu và chàng nói những lời tàn nhẫn để nàng rời xa mình. Hăm-lét bố trí một gánh hát vào cung diễn vở *Cái bầy chuột* với nội dung kể về vụ mưu sát khiến vua hốt hoảng bỏ đi. Hăm-lét theo sau định hạ sát nhưng thấy hắc đang cầu nguyện nên buộc dừng tay. Chàng đến trách cứ mẹ mình và vô tình giết chết Pô-lô-ni-út khi hắc đứng sau rèm nghe trộm.

+ Hồi IV-V: Vua bố trí Hăm-lét sang nước Anh và bí mật trừ khử chàng nhưng chàng thoát nạn. Trở về, chàng chạm trán và đùng độ con trai của Pô-lô-ni-út, hai người giao đấu và đều dính kiếm độc. Hoàng hậu uống nhầm thuốc độc mà chết. Trước khi chết, Hăm-lét giết Clô-đi-út và trăng trối lại việc quốc gia đại sự.

3. Đoạn trích: *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

Đoạn trích *Sống, hay không sống - đó là vấn đề* thuộc Hồi thứ III trong vở kịch *Ham-lét*.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách đọc và tóm tắt được các sự kiện chính trong đoạn trích.
- Học sinh nhận biết được tình huống kịch, xung đột kịch được miêu tả trong đoạn trích, diễn biến tâm trạng của nhân vật và mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử được gợi ra qua đoạn trích.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản. Nhiệm vụ 2a: Tìm hiểu bầu không khí xã hội và xung đột kịch. B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu hs đọc tài liệu về văn hóa Phục hưng, bối cảnh nước Anh thời Phục hưng, suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi: - Hãy trình bày bối cảnh nước Anh thời kì Phục hưng? - Vợ kịch được lấy bối cảnh từ câu chuyện lịch sử nào? - Nhân vật Hăm-lét được Sếch-xpia đặt trong hoàn cảnh đặc biệt như thế nào? - Thảo luận theo nhóm lớn (chia lớp thành 2 nhóm, làm việc kèm phiếu học tập số 2). - Câu hỏi thảo luận: Nhóm 1 Câu hỏi 1: Giữa Hăm-lét và các nhân vật khác xảy ra những xung đột nào? Câu hỏi 2: Theo em, qua xung đột đó tác giả đặt Hăm-lét trong tình thế ra sao? Nhóm 2	II. Khám phá văn bản 1. Bầu không khí xã hội và xung đột kịch a. Bầu không khí xã hội - Bối cảnh rộng: Hậu kì Phục hưng khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc khi xung đột với thực tại lịch sử nghiệt ngã. Ở nước Anh, chế độ phong kiến Trung cổ chưa đổ tận gốc rễ, chế độ tư bản chưa được xác lập. “<i>Nước Anh đã bao năm rồ dại tự cấu xé ngay chính bản thân mình. Anh mù quáng làm đổ máu em, bố điên cuồng chọc tiết ngay cả con mình. Để phục thù, con lại trở thành tên đồ tể giết bố: tất cả đều tan tác như vậy do sự chia rẽ khủng khiếp...</i>” Sếch-xpia nhìn rõ được thói đạo đức giả của xã hội phong kiến, lớp sơn hào nhoáng bịp bợm đang manh nha của chủ nghĩa tư bản và nhìn rõ mặt trái của đồng tiền tư bản: “<i>mày nói hết mọi thứ tiếng và bất kì mục đích gì, mày là hòn đá thử lương tâm</i>”. - Bối cảnh cụ thể: vợ kịch lấy bối cảnh là đất nước Đan Mạch thời kì Trung cổ đầy bất ổn chính trị. Clô-đi-út hãm hại anh trai cướp ngôi, lấy hoàng hậu và âm mưu trừ khử cháu ruột là thái tử Hăm-lét. Hăm-lét đơn độc và rơi vào cái bẫy dò xét đầy nguy hiểm giữa người thân, bạn bè và người yêu. Mọi người bên ngoài tỏ ra quan tâm nhưng thực chất là đang tìm hiểu thực hư về chàng. Họ tiếp tay cho âm mưu và tội ác của vua Clô-đi-út. Để tồn tại và nuôi ý nguyện trả thù, Hăm-lét dừ vô cùng tinh táo cũng phải giả điên để “che mắt kẻ thù. => Sếch-xpia đã đặt nhân vật chính vào một hoàn cảnh vô cùng bi kịch, khắc nghiệt và mang dấu ấn đậm nét của bi kịch lịch sử thời đại. b. Xung đột kịch

Câu hỏi 1: Trong bản thân Hăm-lét diễn ra xung đột nào gay gắt? Câu hỏi 2: Theo em, qua xung đột đó tác giả đặt Hăm-lét trong tình thế ra sao?	- Xung đột kịch tính theo nghĩa là “sự va chạm, đấu tranh, loại trừ các thế lực đối lập” . - Xuyên suốt từ Hồi I đến Hồi IV: xung đột giữa một bên là hoàng tử Hăm-lét - người đang giả điên để âm thầm điều tra về cái chết bí ẩn của vua cha, đòi lại sự công bằng cho ông cũng như sự công bằng trong xã hội với bên kia là vua Clô-đi-út - kẻ đang dùng quyền uy và mọi cách để dò xét, đối phó, trừ khử Ham-lét nhằm che giấu tội ác, bảo vệ ngai vàng, quyền uy do chiếm đoạt mà có của mình. - Bên cạnh đó là xung đột giữa biểu hiện giả điên của Hăm-lét với hệ thống dò xét từ tay sai của Clô-đi-út (bạn bè, thân cận của vua, người yêu, thậm chí hoàng hậu- mẹ chàng) đang âm mưu nghe lén chàng. => Xung đột này cho thấy Hăm-lét trở nên cô độc ngay trong chính gia đình và Đất nước mình. Nhưng giả điên đời thời cũng cho thấy Hăm-lét là một con người khôn ngoan, tinh táo và có chí khí. => Đây cũng là xung đột giữa cái cao cả và cái thấp kém. Nhân vật Hăm-lét với hành động, lẽ sống cao quý là hiện thân cho cái cao cả; Clô-đi-út và cái triều đình mới của ông ta là hiện thân cho cái thấp kém, cũng là cái thấp kém của xã hội Đan Mạch đương thời (xã hội Đan Mạch trong cái nhìn của Hăm-lét: mục ruỗng kĩ cương, băng hoại nhân phẩm, cả Đan Mạch như một "nhà tù" "bát nháo "bẩn thỉu" "phải hàng vạn người mới nhặt ra được một kẻ lương thiện", vua Clô-đi-út và các nhân vật trong triều đình mà ông ta dựng lên chính là hiện thân cho thực trạng đen tối của xã hội ấy). - Xung đột trong chính bản thân vua Clô-đi-út: Bên ngoài giả tạo để che đi sự xấu xa của con người bên trong; bản chất độc ác được che đậy bằng con người hiền lành bao dung. - Xung đột trong nội tâm nhân vật Hăm-lét (sống hay không sống – to be or not to be) việc giải quyết xung đột này là tìm được chỗ dựa tinh thần quan trọng cho nhân vật, trong hoàn cảnh Hăm-lét hoàn toàn đơn độc chống lại Clô-đi-út và mặt trái của xã hội Đan Mạch. => Xung đột này cho thấy những giằng xé nội tâm ghê gớm đang diễn ra bên trong con người Hăm-lét. Chàng đang khủng hoảng về tinh thần hay đang băn khoăn,
--	---

Nhiệm vụ 2b: Khám phá nhân vật Hăm-lét B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Thảo luận theo nhóm lớn (chia lớp thành 2 nhóm, làm việc). - Câu hỏi thảo luận: Nhóm 1 Câu hỏi 1: Tìm các từ ngữ đồng nghĩa với từ “sống” và “không sống” trong ngữ cảnh lời độc thoại? Câu hỏi 2: Theo em, Hăm-lét đang rơi vào trạng thái mâu thuẫn giữa những điều gì? Ngôn ngữ độc thoại có ý nghĩa như nào trong việc khắc họa nhân vật chính? Nhóm 2 Câu hỏi 1: Lời đối thoại của Hăm-lét với Ô-pia-li-a có sự khác biệt gì với lời độc thoại trước đó về nàng? Câu hỏi 2: Ngôn ngữ đối thoại có ý nghĩa như nào trong việc khắc họa nhân vật chính? - Thời gian: 10’ - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh thảo luận và trả lời. - Thời gian: 10 phút	do dự. Mặt khác, xung đột trên cũng cho thấy một nhân vật đang gắng gỏi vượt qua chính mình và rút cuộc, Hăm lét đã không chấp nhận lối sống “cam chịu” “ôm yếu”, “hèn mạt... trái lại đang hướng đến tinh thần can đảm “cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng để” biến những “dự kiến lớn lao, cao quý” thành “hành động”. 2. Nhân vật Hăm-lét Đoạn trích cho thấy sự kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ đối thoại với ngôn ngữ độc thoại của nhân vật Hăm-lét để làm nổi bật bi kịch của chàng. a. Lời độc thoại nội tâm của Hăm-lét * Độc thoại chia làm 3 phần: - Phần 1. Từ “Sống, hay không sống” đến “... chẳng nào cao quý hơn”: đặt vấn đề sống hay không sống, “chịu đựng” hay “cầm vũ khí vùng lên”? - Phần 2. Từ “Chết, là ngủ” đến “chưa hề biết tới?": suy ngẫm về gánh nặng cuộc sống, sự giải thoát và sự ngăn trở của nỗi sợ “chưa biết tới” ở cõi chết. - Phần 3. Từ “Đấy, chính nỗi vương mắc” đến “chẳng thể biến thành hành động”: suy nghĩ về cái bất định sau khi chết ngăn cản quyết tâm hành động. * Bi kịch, những giằng xé nội tâm của Hăm-lét: - Sống hay không sống là hai khái niệm trừu tượng khiến Hăm-lét vô cùng băn khoăn và khó khăn đưa ra lựa chọn. Đó là chấp nhận chịu đựng mọi thứ mà người khác gây ra cho hay đấu tranh đến cùng để bảo vệ mình mà kéo theo đau thương cho bao người khác. - Hăm-lét cho rằng “chết” đáng “mong muốn” mà cũng là “điều khó khăn” buộc người ta phải “ngừng lại mà suy nghĩ” bởi vì khi chết là hết, là không còn tồn tại cả thể xác lẫn những đau khổ, bất hạnh trong tinh thần, những hận thù cũng theo đó mà chấm dứt. Tuy nhiên Hăm-lét không muốn đem lại tự do cho bản thân mình khi mà những kẻ xấu xa, độc ác vẫn hoành hành ngoài kia, đem đến đau khổ cho người khác. Đó chính là “điều khó khăn” buộc người ta phải “ngừng lại mà suy nghĩ. Hăm-lét không chỉ nghĩ cho bản thân, chàng suy xét cả sự sống và cái chết của mình trong sự sống và cái chết của những con người chân chính đang bị áp bức trong xã hội. Hăm-lét đã mở rộng các khái niệm “sống”, “không sống” soi
--	--

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ: 3 phút
- Phân biện và trao đổi: 2 phút

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV chốt kiến thức
- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt
- Rút kinh nghiệm

chiều trong tương quan trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng. Đó với hình tượng Hăm-lét tượng trưng nghĩa.

- Hăm-lét nhận thức được những gánh nặng cuộc đời, những tai họa dang dở trong cuộc sống: những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hồng hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhân nhục...

=>Hăm-lét mang trong mình một trái tim đầy tổn thương, nhạy cảm; hiểu sự ngang trái, bất công mà chưa thể giải thoát.

=> Hăm-lét đã tự nhận thức được về nguyên nhân tình trạng do dự và không thể hành động quyết đoán của chính mình vì anh phân vân không biết nên tự chịu đựng những bất hạnh hay là vùng lên đấu tranh, giành lại chiến thắng cho bản thân mà mặc kệ những đau khổ của người khác.

=> Bên ngoài giả khùng nhưng bên trong lại tỉnh táo, suy nghĩ thấu đáo. Mặc dù không muốn nhưng vì hoàn cảnh mà phải đóng giả người điên để có thể bảo toàn mạng sống.

* Nhận xét về ngôn ngữ độc thoại:

Đoạn độc thoại của Hăm lét thực chất là một màn độc thoại nội tâm sâu sắc, đậm chất triết học và tính trí tuệ. Tác giả đã làm cho tiếng nói trong tâm tư Hăm-lét vang lên để mở ra trước khán giả thế giới nội tâm sâu kín, phức tạp của chàng. Nó làm nổi bật những giằng xé, băn khoăn; những ẩn ức, khổ đau đến thường trực của một con người đang tìm lối giải thoát khỏi bi kịch.

b. Lời đối thoại với Ô-phê-li-a

- Trong lời độc thoại: Hăm-lét dành cho Ô-phê-li-a những lời có cánh, ngọt ngào đầy yêu thương: “Ô-phê-li-a yêu kiều! Nữ thần của ta ơi... nààng...”

- Trong lời đối thoại: Hăm-lét lại dùng lối xưng hô vô cùng xa cách, xã giao: “đa tạ cô em” “tôi”.

- Chàng trở về trong một xung đột giữa hai khái niệm: “nhan sắc” và “đức hạnh”, giữa cái vẻ đẹp bên ngoài và phẩm chất bên trong bằng một loạt câu hỏi. Chàng ý thức được mối quan hệ giữa chúng trong thời kì đảo điên: “nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh

Nhiệm vụ 2c: Rút ra chủ đề, thông điệp, bài học ý nghĩa từ đoạn trích. B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi: - Chủ đề của đoạn trích là gì? - Bằng hiểu biết của mình, hãy rút ra ý nghĩa của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời. - Thời gian: 2 phút B3: Báo cáo thảo luận - Chia sẻ: 3 phút - Phản biện và trao đổi: 2 phút B4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	thành phóng đảng, nhưng đức hạnh không thể nào khéps nhan sắc vào khuôn khổ nét na”. => Đường như Hăm-lét nhận ra đó là một nghịch lý phổ biến. Trong thời đại đảo điên, hỗn loạn nhan sắc và đức hạnh của người phụ nữ cũng dần biến mất, họ cũng mang theo những toan tính, mưu mô riêng khiến 2 phạm trù tốt đẹp ấy trở nên tha hóa. - Cái hay của ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích là giúp thể hiện được một cách sinh động tính cách của từng nhân vật : Ô-phê-li-a trong trắng, ngây thơ nhưng ngờ nghệch, lệ thuộc, dễ bị lợi dụng.... còn Hăm-lét khôn ngoan, mang tính nước đôi trong hành động: đó phải vừa là lời ngây dại của người điên (khiến những kẻ nghe lén tin là Hăm-lét bị điên), vừa phải là tiếng nói tỉnh táo, sắc bén của lương tri trong lúc “giả điên” để tấn công không khoan nhượng vào bộ mặt đạo đức giả của nhiều nhân vật trong triều đình của Clô-đi-út và trong xã hội đương thời. Vì thế, trong lời thoại của chàng, thỉnh thoảng có những câu rất tỉnh táo, giàu tính triết lý và giá trị phê phán. 3. Chủ đề, thông điệp, bài học ý nghĩa từ đoạn trích: - Chủ đề: Niềm băn khoăn về vấn đề “sống hay là không sống” của Hăm-lét và việc giả điên của chàng. - Thông điệp: + Mâu thuẫn giữa tư tưởng và hành động cũng do hoàn cảnh mà hình thành. Các nhân vật bước ra từ bị kịch này, đều là sản phẩm của hoàn cảnh. Mặc dù là bị xã hội đưa đẩy, bị hoàn cảnh chèn ép nhưng hoàng tử Đan Mạch ấy vẫn khẳng định được lý tưởng của bản thân – lý tưởng anh hùng nghĩa hiệp. Không chỉ cố gắng vì mục đích trả thù cho vua cha đã mất và tiếp nối ngai vàng, mà hơn hết đó chính là sự quan tâm đến lẽ sống và phẩm giá của con người. Dù trước hoàn cảnh gì thì con người cũng phải giữ lấy lý trí và niềm tin của mình. + Mỗi người cần phải vượt lên trên thách thức của hoàn cảnh, chọn cho mình một thái độ sống cao quý, một cách hiện hữu xứng đáng trong cuộc đời. Sự sống của con người chỉ có ý nghĩa và giá trị khi gắn liền với vận mệnh của cộng đồng, xã hội.
--	--

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Hs đánh giá, tổng hợp được giá trị nội dung cốt lõi và giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn kịch.

b. Nội dung: Gv giao Hs tổng hợp, khái quát vấn đề.

c. Sản phẩm: Phân trả lời của Hs.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 3: Tổng kết về nội dung và nghệ thuật của truyện. B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu hs suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi: - Những giá trị nội dung nổi bật của đoạn trích? - Bằng hiểu biết của mình, hãy nhận xét những đặc sắc trong nghệ thuật viết kịch của tác giả? B2. Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời. - Thời gian: 2 phút B3. Báo cáo thảo luận - Chia sẻ: 3 phút - Phản biện và trao đổi: 2 phút B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung - Đoạn trích Sống, hay không sống - đó là vấn đề được tác giả thể hiện chủ đề về vấn đề sống hay không sống, sống trách nhiệm hay sống cho cá nhân. - Ngoài ra tác phẩm còn nêu lên những suy ngẫm về bản tính của con người, những trần trụi, lo âu của con người trong cuộc sống đầy gian nan, vất vả, những rủi ro vẫn đang thường trực xảy ra. 2. Giá trị nghệ thuật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tác phẩm kịch độc đáo, tinh tế, các tình huống kịch hấp dẫn gây nên những ấn tượng sâu sắc trong tâm trí người tiếp nhận. - Xây dựng xung đột kịch tiêu biểu, có giá trị điển hình cho thời đại. - Kết hợp khéo léo ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại. Đặc biệt, ngôn ngữ độc thoại bậc thầy của Sếch-xpia đã mang đến những thước phim nội tâm vô cùng sâu sắc, góp phần khắc họa rõ nét bi kịch của nhân vật.

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yếu tố	Nội dung tác động

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhân vật	Hành động bên ngoài	Hành động bên trong
Vua Cloo-đi-út		

Hăm-lét		
---------	--	--

Gợi ý:

Nhân vật	Hành động bên ngoài	Hành động bên trong
Vua Cloo-đi-út	Quan tâm, hỏi han tình hình sức khỏe và thể hiện sự lo lắng với tình trạng của Hăm-lét	Cho người theo dõi, ngấm ngầm lên kế hoạch muốn trừ khử Hăm-lét
Hăm-lét	Giả khùng giả điên, chịu sự kiểm soát của vua	Căm ghét, phẫn nộ, tức giận tột cùng và muốn tìm cách trả thù, tránh tai mắt của vua

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Kết nối đọc – viết
- Học sinh viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ vở kịch?

b. Nội dung:

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu.
- Thực hiện tại lớp: 10'

c. Sản phẩm:

- Bài làm của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Sau khi đọc xong văn bản, em rút ra thông điệp gì sâu sắc? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về thông điệp này. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 7-10 phút B3. Báo cáo thảo luận - Hs chia sẻ bài viết, phân biện và trao đổi B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định.	*Gợi ý: - Hình thức: đoạn văn, dung lượng khoảng 150 chữ. - Nội dung: chọn thông điệp (dũng cảm, mạnh mẽ, trách nhiệm...) nêu suy nghĩ của bản thân về thông điệp đó.

- GV thu “bài viết” của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Đọc mở rộng
- HS vận dụng tri thức và kỹ năng của mình để đọc hiểu một trích đoạn kịch hiện đại Việt Nam.
- Hiểu được vai trò quan trọng của ngôn ngữ độc thoại, ngôn ngữ đối thoại trong kịch.

b. Nội dung:

- Đọc đoạn văn bản trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”, xác định các xung đột kịch?.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Đọc vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ (sgk Ngữ văn 12, tập 2). - Xác định xung đột kịch trong nhân vật hồn Trương Ba? Nhân vật này có điểm gì giống với Hăm-lét? B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà - Thời gian: 1-3 ngày B3. Báo cáo thảo luận - Báo cáo sản phẩm. - Thảo luận, tranh biện chéo B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV thu bài làm. - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	* Những xung đột kịch: - Xung đột giữa hồn Trương Ba với những người khác (Đế Thích, người thân, vợ hàng thịt) - Xung đột giữa hồn Trương Ba với xác hàng thịt. - Xung đột nội tâm trong bản thân hồn Trương Ba. => Hầu hết các xung đột đều xoay quanh mâu thuẫn chấp nhận sống trong thân xác người khác để được tồn tại hay chết để được là chính mình. * Nhân vật hồn Trương Ba cũng giằng xé nội tâm như Hăm-lét trong câu hỏi đầy trắc trở: tồn tại hay không tồn tại, sống hay không sống. Họ đều rơi vào bi kịch trong hành trình đi tìm ý nghĩa đích thực của sự sống.

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn đọc hiểu văn bản “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” theo hệ thống gợi dẫn SGK.

PHỤ LỤC

NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÁC GIẢ SÁCH-XPIA

Tác giả William Shakespeare



- Nhà soạn kịch William Shakespeare sinh ngày 23-4-1564 tại Nước Anh. Là Nhà soạn kịch sinh thuộc cung Kim Ngưu, cầm tinh con (giáp) chuột (Giáp Tý 1564). William Shakespeare xếp hạng nổi tiếng thứ 2387 trên thế giới và thứ 1 trong danh sách Nhà soạn kịch nổi tiếng.
- Nhà viết kịch thời đại của Nữ hoàng Elizabeth và nhà thơ người được coi là nhà văn có ảnh hưởng nhất trong văn học Anh. Hầu hết các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông được ông sáng tác trong giai đoạn từ 1589 đến 1613. Những vở kịch đầu tiên của ông chủ yếu là hài kịch và kịch lịch sử, những thể loại này được ông tăng lên sự tinh tế của nghệ thuật vào cuối thế kỉ XVI. Sau đó, ông sáng tác chủ yếu là bi kịch đến năm 1608, bao gồm các tác phẩm *Hamlet*, *Vua Lear*, *Othello* và *Macbeth*, gồm một vài tác phẩm nổi tiếng nhất của ông bằng tiếng Anh. Trong giai đoạn cuối cùng của sự nghiệp sáng tác, ông sáng tác những vở kịch buồn (tragicomedies), hay còn gọi là lãng mạn, và hợp tác với một số nhà viết kịch khác.
- Nhiều vở kịch của ông được tái bản nhiều lần với các chất lượng khác nhau và một cách chính xác trong suốt cuộc đời của ông. Năm 1623, hai đồng nghiệp cũ của Shakespeare, cũng làm việc trên sân khấu kịch, xuất bản First Folio, một tập hợp tất cả các vở kịch được coi là của ông. Nhưng đến nay, chỉ có hai trong tổng số đó được công nhận là của Shakespeare.

Tiết 45,46

VĂN BẢN 2: VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI **(Trích Vũ Như Tô)** **Nguyễn Huy Tưởng** **(03 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được những đặc điểm của thể loại bi kịch. Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của *Vũ Như Tô* và *Dan Thiềm* trong hồi V của vở kịch.
- Nhận thức được quan điểm nhân dân của *Nguyễn Huy Tưởng*, đồng thời thấy được thái độ ngưỡng mộ, trân trọng tài năng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tâm huyết và tài năng lớn nhưng lại lâm vào tình trạng mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa khát vọng nghệ thuật lớn lao và thực tế xã hội không tạo điều kiện để họ thực hiện khát vọng ấy.

- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của vở kịch qua đoạn trích.

2. Về năng lực:

- Biết thưởng thức vẻ đẹp ngôn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

- Biết liên hệ văn bản với đời sống, từ đó lựa chọn cách hành xử phù hợp.

3. Về phẩm chất: Biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương.

- HS biết rèn luyện đạo đức lối sống: Phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và sống có trách nhiệm với quê hương đất nước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi và cho HS xem trích đoạn kịch trong vở kịch Vũ Như Tô

c. Sản phẩm: Câu trả lời và nhận xét của HS sau khi xem trích đoạn kịch.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS xem một đoạn trong vở kịch Vũ Như Tô do nhà hát kịch Việt Nam trình diễn. https://www.youtube.com/watch?v=d5PYEeCFbSY - GV nêu câu hỏi: Đây là trích đoạn trong vở kịch nào? Tác giả là ai? Em có ấn tượng sâu sắc nhất về câu nói của nhân vật nào? Vì sao? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát, lắng nghe, ghi câu trả lời ra giấy nháp. - GV quan sát B3. Báo cáo thảo luận: - HS nêu ý kiến của mình. - Cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.	 - Đây là trích đoạn trong vở kịch “Vũ Như Tô” của Nguyễn Huy Tưởng. - HS đưa ra một câu nói bất kì mà bản thân thấy ấn tượng nhất và lí giải lí do hợp lí, thuyết phục.

- GV lắng nghe, hỗ trợ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Nguyễn Huy Tưởng cùng thế hệ với Nam Cao, Tô Hoài nhưng có thiên hướng khai thác các đề tài lịch sử và rất thành công trong hai thể loại kịch lịch sử và tiểu thuyết lịch sử như: Đêm hội Long Trì; An Tư; Lá cờ thêu sáu chữ vàng; Sống mãi với thủ đô... Vũ Như Tô là vở kịch đầu tay - bi kịch lịch sử có giá trị nhất của ông.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản theo đặc trưng thể loại.
- HS nắm bắt được thông tin về tác giả Nguyễn Huy Tưởng.
- HS nhận biết được bối cảnh ra đời của vở kịch *Vũ Như Tô*.

b. Nội dung:

- HS sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.
- HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua các tài liệu tham khảo.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà theo gợi ý sau: - Đọc phần giới thiệu về tác giả Nguyễn Huy Tưởng, vở kịch <i>Vũ Như Tô</i> - Nêu ngắn gọn những nét chính về tác giả, tác phẩm. - Tóm tắt vở kịch <i>Vũ Như Tô</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS tham khảo SGK, các tài liệu tham khảo khác. B3. Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả học tập tại lớp (GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm đã được chuẩn bị) - Gv tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.	I. Tìm hiểu khái quát 1. Tác giả - Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960) quê ở làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) - Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Đêm hội Long Trì</i> (tiểu thuyết lịch sử 1942), <i>Vũ Như Tô</i> (kịch lịch sử 1943), <i>An Tư</i> (tiểu thuyết lịch sử 1944), <i>Cột đồng Mã Viện</i> (kịch lịch sử 1944), <i>Bắc Sơn</i> (kịch lịch sử 1946) 2. Tác phẩm kịch <i>Vũ Như Tô</i> - Thể loại: Bi kịch lịch sử, với quy mô hoành tráng gồm 5 hồi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Hoàn cảnh sáng tác: Kịch Vũ Như Tô được sáng tác từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở Thăng Long các năm 1516 – 1517, dưới triều Lê Tương Dực - Tóm tắt kịch Vũ Như Tô: + Vũ Như Tô, một kiến trúc sư thiên tài, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài, ông kiên quyết từ chối. + Cung nữ Đan Thiềm thuyết phục Vũ Như Tô lợi dụng quyền thế và tiền bạc của Lê Tương Dực để xây dựng một tòa lầu đài vĩ đại. + Vũ Như Tô chấp nhận xây dựng Cửu Trùng Đài, vô tình gây biết bao tai họa cho nhân dân. + Quận công Trịnh Duy Sản nổi loạn, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm. Cửu Trùng Đài bị thiêu hủy. - Đoạn trích nằm trong hồi cuối cùng của vở bi kịch: miêu tả Trịnh Duy Sản - kẻ cầm đầu phe đối lập trong triều đình - dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ làm phản, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm và đập phá, thiêu huỷ Cửu Trùng Đài.
--	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- HS biết cách tìm hiểu các yếu tố liên quan đến vở kịch như bối cảnh lịch sử, bố cục đoạn trích.
- Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng và bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong đoạn trích “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*”.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích.
- HS biết đánh giá những vấn đề đặt ra trong vở kịch và hiểu được thông điệp mà tác giả gửi gắm.

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình huống kịch

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ sau:

+ Xác định tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích.

+ Trước tình huống đó, mỗi nhân vật sẽ có những phản ứng như thế nào?

+ Những phản ứng, hành động đó thể hiện đặc điểm, tính cách gì của nhân vật (Phiếu học tập)

Nhân vật	Lựa chọn, hành động	Tính cách	Nhận xét
Vũ Như Tô			
Đan Thiềm			
Nguyễn Vũ			
Lê Trung Mại			

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

- GV quan sát, hỗ trợ kịp thời.

B3. Báo cáo thảo luận

- GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc (gọi từ 2-3 cặp đôi)

- HS khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.

II. Khám phá văn bản

1. Tình huống kịch trong đoạn trích

- Trịnh Duy Sản dấy binh làm loạn, giết nhà vua, đốt phá Cửu Trùng Đài, lùng bắt Vũ Như Tô.

- Đây là tình huống kịch tính, làm thay đổi số phận nhân vật và đẩy nhân vật vào tình thế buộc phải lựa chọn và hành động. Thông qua việc lựa chọn và hành động đó bộc lộ tính cách.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, góp ý. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung kết quả hoạt động chốt lại kiến thức. Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình huống kịch những mâu thuẫn-xung đột cơ bản của vở kịch B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ sau: + Xác định những mâu thuẫn - xung đột cơ bản của vở kịch. + Phân tích từng mâu thuẫn và chỉ ra bi kịch của Vũ Như Tô. - HS tiếp nhận nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày. - GV quan sát, hỗ trợ kịp thời. B3. Báo cáo thảo luận - GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc (gọi từ 2-3 cặp đôi) - HS khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. - GV lắng nghe, hỗ trợ, góp ý. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung kết quả hoạt động chốt lại kiến thức.	2. Những mâu thuẫn - xung đột cơ bản của vở kịch * Mâu thuẫn thứ nhất: <table border="1"> <tr> <th>Nhân dân lao động</th><th>Bạo chúa và phe cánh</th></tr> <tr> <td> - Lầm than, làm việc cật lực, bị ăn chặn -> nghèo đói. - Chết vì tai nạn, chết vì bị chém. - Mất mùa-> nổi loạn </td><td> - Bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, sống xa hoa. - Tăng sưu thuế, tróc nã, hành hạ người chống đối. - Lôi kéo thợ làm phản. → Trịnh Duy Sản cầm đầu phe nổi loạn chống triều đình: Giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm, cung nữ, thiêu hủy Cửu Trùng Đài. </td></tr> </table> * Mâu thuẫn thứ hai: Quan niệm nghệ thuật thuần túy, cao siêu muôn đời >< Lợi ích thiết thực, trực tiếp của nhân dân. - Vũ Như Tô - Kiến trúc sư - nghệ sĩ: Tâm huyết, hoài bão, muốn đem lại cái đẹp cho muôn đời.	Nhân dân lao động	Bạo chúa và phe cánh	- Lầm than, làm việc cật lực, bị ăn chặn -> nghèo đói. - Chết vì tai nạn, chết vì bị chém. - Mất mùa-> nổi loạn	- Bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, sống xa hoa. - Tăng sưu thuế, tróc nã, hành hạ người chống đối. - Lôi kéo thợ làm phản. → Trịnh Duy Sản cầm đầu phe nổi loạn chống triều đình: Giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm, cung nữ, thiêu hủy Cửu Trùng Đài.
Nhân dân lao động	Bạo chúa và phe cánh				
- Lầm than, làm việc cật lực, bị ăn chặn -> nghèo đói. - Chết vì tai nạn, chết vì bị chém. - Mất mùa-> nổi loạn	- Bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, sống xa hoa. - Tăng sưu thuế, tróc nã, hành hạ người chống đối. - Lôi kéo thợ làm phản. → Trịnh Duy Sản cầm đầu phe nổi loạn chống triều đình: Giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm, cung nữ, thiêu hủy Cửu Trùng Đài.				

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật Vũ Như Tô * Thao tác 1: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô (dựa vào các lời thoại và hành động của nhân vật) Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 6 nhóm. - GV phát phiếu học tập cá nhân: + Nhóm 1+2: Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài. + Nhóm 3+4: Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi bị vu oan, chế giễu và sỉ nhục. + Nhóm 5+6: Phiếu học tập số 3: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá hủy. - GV yêu cầu HS sau khi hết thời gian làm việc cá nhân sẽ thảo luận để thống nhất trong nhóm nội dung câu trả lời.	- Mượn uy quyền, tiền bạc của vua để thực hiện hoài bão lớn lao: → mục đích chân chính >< con đường thực hiện mục đích sai lầm. → Đẩy Vũ Như Tô vào tình trạng đối nghịch với nhân dân - kẻ thù của nhân dân, nhất là những người thợ. Bi kịch : Muốn thực hiện được lí tưởng nghệ thuật thì đi ngược lại quyền lợi trực tiếp của nhân dân; nếu xuất phát từ lợi ích của nhân dân thì không thể thực hiện được lí tưởng nghệ thuật cao cả của người nghệ sĩ. → Bi kịch không lối thoát của nghệ sĩ thiên tài Vũ Như Tô. 3. Các nhân vật chính của vở kịch 3.1. Nhân vật Vũ Như Tô a. Diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô. * Khi Vũ Như Tô nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài. - Vũ Như Tô vẫn không tin, một mực cho rằng mình vô tội, thậm chí hi vọng có thể thuyết phục An Hòa Hầu cho mình xây tiếp Cửu Trùng Đài. Điều này được thể hiện qua hàng loạt các câu hỏi: + “Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?” + “Tôi làm gì nên tội?” + “Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội.” ... - Vũ Như Tô còn khẳng định rất dứt khoát, quyết tâm không từ bỏ ước mơ của mình: + “Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước”
--	---

B2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập (thời gian 3 phút) - HS nộp lại phiếu học tập sau tiết học. - HS thảo luận, thống nhất trong nhóm (thời gian 5 phút). - GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS kịp thời. B3. Báo cáo thảo luận - HS các nhóm trình bày kết quả làm việc. - HS theo dõi, góp ý, bổ sung. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV cung cấp phiếu đánh giá hoạt động nhóm để HS tự đánh giá sản phẩm. - GV đánh giá, nhận xét, cho điểm sản phẩm của các nhóm học sinh dựa trên phiếu đánh giá. - GV cho HS đọc chéo để tự học và rút kinh nghiệm. - GV chốt những kiến thức trọng tâm.	=> Vũ Như Tô là một người nghệ sĩ khao khát theo đuổi lí tưởng nghệ thuật nhưng hoàn toàn xa rời thực tế. * Khi Vũ Như Tô bị vu oan, chế giễu và sỉ nhục. - Vũ Như Tô đã nói những lời đanh thép thể hiện thái độ rất thẳng thắn, không chịu khuất phục trước cường quyền: + “Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan” + “Sao bà lại lẩn tránh thế, lạy cả một đấng tiểu nhân?” + “Mi thực là một tên bỉ ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!” - Tuy nhiên, ông vẫn luôn hi vọng vào việc Cửu Trùng Đài sẽ tiếp tục được xây: + “Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ”. + “Ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cời trời cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở...” => Vũ Như Tô là người cương trực, dũng cảm, nhân cách cao cả nhưng cũng hết sức trong sáng, ngây thơ, cả tin. * Khi Vũ Như Tô nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá hủy. - Ban đầu Vũ Như Tô vẫn không tin hỏi lại bọn lính: “Thế Cửu Trùng Đài?” - Sau đó Vũ Như Tô nhìn thấy ánh lửa sáng rực, tàn than, bụi khói bay vào ông vô cùng căm phẫn, tuyệt vọng, ông nhìn ra và rú lên đau đớn: “Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đáng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!” => Lời độc thoại thể hiện nỗi bi phẫn, sự thất vọng nào nê của Vũ Như Tô khi giấc mộng nghệ thuật của mình sụp đổ trước một thực tại tàn khốc. Đó cũng là lời than tiếc cho tài năng cho thân phận nhỏ bé của người nghệ sĩ.
---	---

Thao tác 2: Tìm hiểu bài học cuộc sống rút ra qua nhân vật Vũ Như Tô. B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra những bài học cuộc sống qua nhân vật Vũ Như Tô. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc cá nhân - GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS kịp thời. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày kết quả làm việc. - HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	Tiểu kết: Vũ Như Tô – nhân vật bi kịch lịch sử, là người mang khát vọng lớn lao, cao cả nhưng lầm lạc trong suy nghĩ và hành động. Vũ Như Tô chỉ thực sự bừng tỉnh khi biết chính An Hòa Hầu ra lệnh đập phá, đốt Cửu Trùng Đài. Đồng thời bi kịch của Vũ Như Tô còn là bi kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ khi đối diện với một thực tại bóp nghẹt mọi giấc mơ sáng tạo của con người, bi kịch sụp đổ niềm tin của một cá nhân trước một thời thế trao đảo, nơi cái xấu và cái ác lên ngôi. b. Bài học cuộc sống - Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đặt ra những vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật cao siêu, thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thực của nhân dân. - Trong cuộc sống, cái ĐẸP và cái THIỀN phải luôn song hành với nhau. 3.2. Nhân vật Đan Thiềm. - Đan Thiềm là một cung nữ biết trân trọng cái tài, đam mê cái tài. - Dưới con mắt của Vũ Như Tô thì Đan Thiềm là tri kỷ, tri âm duy nhất ở triều đình. (Vũ mê cái đẹp, Đan Thiềm mê cái tài) . - Luôn động viên, khích lệ, giúp đỡ Vũ Như Tô xây đài, bảo vệ đài.
--	--

- GV bổ sung, góp ý và chốt những kiến thức trọng tâm. Nhiệm vụ 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm và hình tượng Cửu Trùng Đài B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm với các yêu cầu sau: xuất thân, quan niệm, mối quan hệ với Vũ Như Tô. - GV đặt câu hỏi phát vấn: <i>Tìm các chi tiết miêu tả Cửu Trùng Đài trong đoạn trích. Hình tượng Cửu Trùng Đài được thể hiện bằng những phương tiện nào? Thông qua các phương tiện đó, em thấy được gì về ý nghĩa của hình tượng Cửu Trùng Đài?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc cá nhân - GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS kịp thời. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày kết quả làm việc. - HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Là con người luôn tỉnh táo: Biết chắc Đài không thành, tìm cách bảo vệ an toàn tính mạng cho Vũ Như Tô, khuyên ông bỏ trốn. - Sẵn sàng đổi mạng sống của mình cứu Vũ Như Tô. Đau đớn khi không thể cứu được người tài. - <i>Bệnh Đan Thiềm</i>: Bệnh mê đắm cái đẹp, cái tài. Có tấm lòng <i>biệt nhỡn liên tài</i> → Thuyết phục Vũ Như Tô mượn tay Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài. => Sống chết hết mình vì cái, cái đẹp 4. Hình Tượng Cửu Trùng Đài Hình tượng Cửu Trùng Đài được hiện lên một cách gián tiếp thông qua lời thoại của các nhân vật. Từ điểm nhìn của mỗi nhân vật khác nhau lại mang một ý nghĩa riêng. - Với VNT, Cửu Trùng Đài là lí tưởng sống và lí tưởng nghệ thuật mà cả đời ông theo đuổi. Nó là thứ quý hơn cả mạng sống của ông, thậm chí ông có thể sẵn sàng đổi cả bằng phẩm giá chính trực của mình, mượn quyền của Lê Tương Dực để xây dựng. Lúc nguy biến, VNT không hề quan tâm đến bản thân, chỉ một mực nghĩ đến sự tồn vong của Cửu Trùng Đài. Khi biết Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, ảo mộng tan vỡ, VNT lựa chọn chấm dứt sự sống. Với VNT, Cửu Trùng Đài là cách để ông cống hiến cho đất nước. Có thể nói, ở góc nhìn này, Cửu Trùng Đài là biểu tượng của tài năng, cái đẹp và nghệ thuật, một thứ nghệ thuật thuần khiết, cao cả, mang giá trị vĩnh cửu, vượt lên trên cuộc đời phàm tục. Cửu Trùng Đài do đó cũng là biểu tượng cho giấc mơ lãng mạn mà con người muốn theo đuổi trong cuộc đời, bất chấp mọi cản trở và phục phàng của thực tại. - Với Đan Thiềm, Cửu Trùng Đài là sự kết tinh của tài năng và khí phách của người nghệ
--	---

	sĩ. Hành động kiên quyết bảo vệ Cờ Trùng Đài. Bảo vệ VNT của Đan Thiềm thể hiện một thái độ trân trọng cái tài, cái đẹp và niềm tin vào giá trị vĩnh cửu của cái đẹp. - Với những nhân vật khác, Cờ Trùng Đài là biểu tượng cho sự xa hoa, lãng phí, thậm chí cho tội ác của quyền lực, là nguyên nhân của mọi đau khổ, lầm than. -> Từ những góc nhìn trên cho thấy, Cờ Trùng Đài là một hình tượng mang ý nghĩa đa nghĩa, qua đó cũng thể hiện cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng về nghệ thuật, về tài năng, về cá nhân. Nguyễn Huy Tưởng một mặt trân trọng tài năng, phẩm giá của VNT, thương xót cho số phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ, mặt khác cũng nhận ra sự phù phiếm của một thứ nghệ thuật thoát li cuộc sống.
--	---

PHIẾU HỌC TẬP:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NHÓM:

Họ và tên : Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cờ Trùng Đài.

Các lời thoại của Vũ Như Tô	Diễn biến tâm trạng, hành động
+ Lời thoại 1:...	
+ Lời thoại 2:...	
+ Lời thoại 3:...	

=> Đặc điểm tính cách, phẩm chất:...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

NHÓM:

Họ và tên:Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi bị vu oan, chế giễu và sỉ nhục.

Các lời thoại của Vũ Như Tô	Diễn biến tâm trạng, hành động
+ Lời thoại 1:...	
+ Lời thoại 2:...	
+ Lời thoại 3:...	
=> Đặc điểm tính cách, phẩm chất:...	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

NHÓM:

Họ và tên:Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá hủy.

Các lời thoại của Vũ Như Tô	Diễn biến tâm trạng, hành động
+ Lời thoại 1:...	

+ Lời thoại 2:...	
+ Lời thoại 3:...	
=> Đặc điểm tính cách, phẩm chất:...	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

TIÊU CHÍ	CHƯA ĐẠT	ĐẠT	TỐT
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả; Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu, trình bày cẩn thận, không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu, trình bày cẩn thận, không có lỗi chính tả, có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1-3 điểm - Chưa trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài, mới dừng lại ở việc biết và nhận diện.	4-5 điểm - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có ít nhất 1-2 ý mở rộng, nâng cao	6 điểm - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng, nâng cao - Có sự sáng tạo
Hiệu quả làm việc nhóm (2 điểm)	0 điểm - Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ, làm việc chưa hiệu quả. - Có trên 2 thành viên không tham gia hoạt động.	1 điểm - Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất. - Vẫn còn 1-2 thành viên không tham gia hoạt động.	2 điểm - Hoạt động gắn kết, có sự đồng thuận nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm vững nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu học sinh làm việc theo cặp đôi, vận dụng kiến thức vừa đọc hiểu để hoàn thành nhiệm vụ: Nêu nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS trao đổi cặp đôi - HS nhận xét và bổ sung cho nhau B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày kết quả làm việc - HS theo dõi góp ý, bổ sung - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS theo dự kiến sản phẩm.	III. Tổng kết 1. Nội dung: Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra những vấn đề có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa: - Nghệ thuật và cuộc sống. - Lí tưởng nghệ thuật cao siêu thuần túy với lợi ích thiết thân của nhân dân. 2. Nghệ thuật - Ngôn ngữ kịch điêu luyện, có tính tổng hợp cao - Tính cách, tâm trạng nhân vật được khắc họa rõ nét qua ngôn ngữ và hành động. - Các lớp kịch ngắn, lời thoại dồn dập tạo nên không khí sôi sục, căng thẳng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về thể loại bi kịch và đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- HS làm việc theo nhóm và trình bày trước lớp
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 3 nhóm và tổ chức cho HS tham gia trò chơi: Chim cánh cụt về nhà Thể lệ: - HS chọn bất kì một đức tính nào của chim cánh cụt (trương đương với một câu hỏi) và trả lời sau khi GV đọc xong câu hỏi. - Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Câu 1: Xét theo nội dung và ý nghĩa của xung đột, kịch được chia ra làm mấy loại? A. Một loại: hài kịch. B. Hai loại: hài kịch, chính kịch. C. Ba loại: hài kịch, bi kịch, chính kịch. D. Bốn loại: hài kịch, bi kịch, chính kịch, ca kịch. Câu 2: Nhận xét nào sau đây không đúng về đặc điểm của thể loại bi kịch?	ĐÁP ÁN : Câu 1: C Câu 2: A Câu 3: C Câu 4: D Câu 5: C Câu 6: D

- A. Gây cười, chế giễu đả kích những thói xấu hoặc những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.
- B. Tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa mong muốn, hành động cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại hay những trở ngại tồn tại trong bản tính của con người.
- C. Là tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 3: Bi kịch của nhân vật Vũ Như Tô trong tác phẩm kịch cùng tên là gì?

- A. Muốn cống hiến nhưng không được cống hiến
- B. Từ chối xây dựng Cửu Trùng Đài nhưng vẫn phải xây dựng.
- C. Không giải quyết được mối quan hệ giữa khát vọng nghệ thuật và lợi ích thiết thân của nhân dân.
- D. Ông muốn xây dựng và để lại một công trình vĩ đại để nhân dân nghìn thu hãnh diện nhưng lại bị nhân dân nổi lên đập phá và giết chết ông.

Câu 4: Xung đột kịch trong kịch “Vũ Như Tô” được tạo nên bởi những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân lao khổ, lầm than với bọn hôn quân bạo chúa và phe cánh của chúng sống xa hoa, trụy lạc.
- B. Mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu, thuần túy muôn đời với lợi ích thiết thực của nhân dân.
- C. Mâu thuẫn giữa Vũ Như Tô và vua Lê.
- D. Cả A và B.

Câu 5: Vấn đề mà Nguyễn Huy Tưởng đặt ra trong đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” cũng như trong tác phẩm “Vũ Như Tô” là gì?

- A. Mối quan hệ giữa quyền lợi giai cấp thống trị với cuộc sống của nhân dân.
- B. Mối quan hệ giữa tài năng và đạo đức, giữa lí tưởng cao siêu với thực tế
- C. Mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng cao siêu với lợi ích thiết thực của nhân dân.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 6: Lời tựa đề "Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết." thể hiện suy nghĩ gì của tác giả?

- A. Nghĩ về mâu thuẫn giữa Vũ Như Tô và nhân dân.
- B. Lời tự thú “ta chẳng biết” bởi chính tác giả cũng không thể đưa ra câu trả lời dứt khoát.
- C. Những băn khoăn day dứt của tác giả khi không biết lẽ phải thuộc về Vũ Như Tô hay những kẻ giết Vũ Như Tô.
- D. Tất cả các ý trên.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tham gia trò chơi
- Làm việc theo nhóm để chọn ra câu trả lời cho nhóm mình

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện nhóm trình bày kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS theo dự kiến sản phẩm.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Rèn luyện cho HS kĩ năng viết một đoạn văn nghị luận.
- HS biết cách nhận diện về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ văn bản.
- HS nhận thức được bài học cuộc sống mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm của mình.

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS làm việc, trao đổi thảo luận lập ý tưởng cho bài viết. Về nhà HS hoàn thiện. Viết đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ trình bày một vấn đề xã hội được đề cập đến trong đoạn trích trên. - GV hướng dẫn HS có thể triển khai đoạn văn theo các bước: + Giới thiệu vấn đề xã hội được đề cập đến. + Bàn luận vấn đề xã hội được đề cập đến trong đoạn trích. + Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. + Khẳng định được vấn đề có ý nghĩa với bản thân qua đoạn trích. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV. B3: Báo cáo thảo luận GV mời 1 – 2 HS trình bày sản phẩm của mình, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung. B4: Đánh giá kết quả thực hiện - (Đầu tiết học) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn HS đã viết. - GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.	Đoạn văn tham khảo: Đọc một tác phẩm văn học hay bao giờ cũng để lại cho chúng ta nhiều bài học về cuộc sống. Vở kịch Vũ Như Tô được tác giả Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trên nền một vấn đề lịch sử đã cách thời hiện đại hàng trăm năm. Vấn đề đặt ra không chỉ là mối quan hệ vua tôi hay quan hệ tầng lớp thượng lưu với nhân dân lao động. Vấn đề mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống được đề cập là mong muốn được nhận thức về nghệ thuật phải là bắt đầu từ cuộc sống, phải vì cuộc sống. Khi đọc đến cảnh vĩnh biệt Cửu Trùng Đài là chúng ta không thể không suy ngẫm về vấn đề xã hội mà hiện nay vẫn còn trăn trở đó là hiệu ứng đám đông. Hiện thực xã hội có rất nhiều sự bất công, đặc biệt là đặt trong hoàn cảnh nhiều nhượng của thời phong kiến. Việc phản ứng của số đông quần chúng nhân dân lao động trước việc bòn rút tiền thuế của nhân dân để xây dựng nơi ăn chơi xa hoa, trụy lạc thật đáng khen, đáng khích lệ. Biết đứng lên đấu tranh bảo vệ lẽ phải thật đáng trân trọng nhưng cực đoan đến mức giết người, đập phá những thành quả (Cửu Trùng Đài) thì cần phải xem lại. Hiệu ứng đám đông trong tác phẩm là vấn đề hiện nay trong xã hội hiện đại chúng ta đang hàng ngày phải đối mặt. Một vấn đề chúng ta cần nhìn nhận ở nhiều phương diện, nhiều khía cạnh phải thấu hiểu để đưa ra những phản ứng, bàn luận thì vấn đề đó mới giải quyết triệt để được. Hãy dừng ngay những hiệu ứng đám đông chạy theo dư luận để tránh những hậu quả cực đoan cho con người và xã hội.

4. củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn phần viết theo hệ thống gợi dẫn SGK.

PHẦN 3: VIẾT

Tiết 47, 48: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI (02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS biết chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.
- HS hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.

2. Về năng lực:

- HS đánh giá được tính khả tín của các thông tin.
- HS xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.
- HS viết và chỉnh sửa các báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Tranh, ảnh, bảng biểu, video clip, máy tính có kết nối internet, máy chiếu.
- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Học liệu:

- SGK – SGV Ngữ văn lớp 11, hồ sơ tài liệu, sách tham khảo.
- Tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... về vấn đề tự nhiên, xã hội).
- Sản phẩm của HS

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm cá nhân và kiến thức đã học ở lớp 10 (Bài Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề) để trả lời các câu hỏi trước khi tìm hiểu, thực hành viết báo cáo.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS tham gia trả lời câu hỏi trắc nghiệm Câu 1. Một bài Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề gồm mấy phần? A. 2 phần B. 3 phần C. 4 phần D. 5 phần Câu 2: Phần mở đầu của bài Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề cần có nội dung nào sau đây? A. Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để nghiên cứu. B. Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn. C. So sánh giữa các vấn đề được tìm hiểu. D. Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được trình bày. Câu 3: Đây là nhiệm vụ của kết bài trong Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề? A. Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để nghiên cứu. B. Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn. C. So sánh giữa các vấn đề được tìm hiểu. D. Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được trình bày. Câu 4: Quy trình viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là: A. Tìm ý, lập dàn ý -> Chuẩn bị viết -> Viết -> Chỉnh sửa, hoàn thiện. B. Chuẩn bị viết -> Tìm ý, lập dàn ý -> Chỉnh sửa, hoàn thiện -> Viết. C. Chuẩn bị viết -> Chỉnh sửa, hoàn thiện -> Viết -> Tìm ý, lập dàn ý. D. Chuẩn bị viết -> Tìm ý, lập dàn ý -> Viết -> Chỉnh sửa, hoàn thiện. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng B3. Báo cáo thảo luận	Chốt đáp án: Câu 1: B Câu 3: D Câu 2: A Câu 4: D

HS nhận xét câu trả lời của bạn, phản biện, tranh luận để đưa ra đáp án đúng B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giới thiệu nội dung bài học và các yêu cầu cần đạt GV Nêu vấn đề: <i>Báo cáo nghiên cứu là văn bản trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề dựa trên các dữ liệu khách quan, chính xác, đáng tin cậy. Viết báo cáo nghiên cứu là một hoạt động thực hành giúp bạn phát triển kỹ năng tìm hiểu, khám phá về đời sống xã hội và tự nhiên (con người, sự kiện, địa điểm, môi trường,...) qua tư liệu thu thập được và trình bày kết quả tìm hiểu, khám phá đó. Vấn đề nghiên cứu có thể là một vấn đề đời sống hoặc một vấn đề gợi ra từ tác phẩm văn học mà bạn đã đọc.</i> Trong chương trình Ngữ văn 10, các em đã được hướng dẫn những thao tác cơ bản để viết một báo cáo kết quả nghiên cứu. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn về các thao tác nghiên cứu cụ thể, trên cơ sở các em đã có những thu thập, xử lý thông tin liên quan đến đề tài theo yêu cầu của GV.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề

a. Mục tiêu: Nắm được yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: HS trả lời các yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần Yêu cầu trong sách giáo khoa trang 142. - GV lưu ý HS thêm một số yêu cầu khi làm kiểu bài này. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu. - HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời cá nhân HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả	I. YÊU CẦU KIỂU BÀI Yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội - Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu đặt ra trong báo cáo. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực. - Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp; thể hiện sự minh bạch trong việc kể thừa những kết quả nghiên cứu đã có. - Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nắm nội dung bài báo cáo và trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa; Hiểu được cấu trúc của một bài báo cáo, các thao tác mà người viết sử dụng; biết cách lựa chọn đề tài, phân tích và xử lý thông tin.

b. Nội dung: HS đọc SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: HS trả lời các yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS tìm hiểu, trao đổi thảo luận 4 câu hỏi trong SGK trang 142-146 và 1 câu hỏi tổng hợp - GV lưu ý HS chú ý đến cấu trúc của báo cáo, các thao tác được sử dụng, cách lựa chọn đề tài, phân tích và xử lý thông tin. Câu 1. Đề tài của báo cáo nghiên cứu ở trên là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào? Câu 2. Để triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng? Câu 3. Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin? Câu 4. Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào? Câu 5. Từ bài viết, khái quát cấu trúc của văn bản B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu. - HS dựa vào SGK và phần chuẩn bị bài ở nhà để trình bày các yêu cầu. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện	II. Phân tích ngữ liệu (đọc văn bản tham khảo và trả lời các câu hỏi) Câu 1. Đề tài của báo cáo nghiên cứu ở trên là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào? Trả lời: – Đề tài: Nghiên cứu về kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. – Góc độ tiếp cận: từ góc độ công năng (công dụng và chức năng) đến kiểu dáng. Câu 2. Để triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng? Trả lời: Những luận điểm đã sử dụng: – Công năng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. – Nguồn gốc tên gọi. – Hình dáng con rồng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. – Nguồn gốc và công dụng của Long bệ thạch. Ứng dụng của nó vào Việt Nam. Câu 3. Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin? Trả lời: – Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ các nguồn: + Luận án tiến sĩ: Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê. + Tạp chí văn hóa học: Từ góc nhìn tứ linh khám phá tâm thức văn hóa rồng của người Việt và người Hán. + Sách: Hoàng thành Thăng Long.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và Ghi lên bảng.	– Những thông tin này có độ chính xác cao, có tính tin cậy và khách quan. Câu 4. Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào? <u>Trả lời:</u> – Tài liệu tham khảo chứa những thông tin: Tác giả, năm công bố, tên tác phẩm, tên tạp chí, luận án hoặc tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản, tập, số, các số trang. – Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trật tự: ABC họ tên tác giả của tài liệu. Câu 5. Khái quát cấu trúc của báo cáo Giao thoa và tiếp biến văn hóa – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. Bài viết gồm 3 phần a. Đặt vấn đề. Giới thiệu về vấn đề nghiên cứu: Giao thoa và tiếp biến văn hóa – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. b. Giải quyết vấn đề. – Trình bày các kết quả nghiên cứu – Sử dụng hình minh họa cho kênh chữ – Thu thập thông tin từ nhiều nguồn – Phân tích, đánh giá thông tin c. Kết luận. – Khẳng định quan điểm của người viết
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết báo cáo)

a. Mục tiêu:

- (1) Hiểu được các bước để chuẩn bị viết báo cáo về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội
- (2) Viết được văn bản đúng quy trình.
- (3) Viết được báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

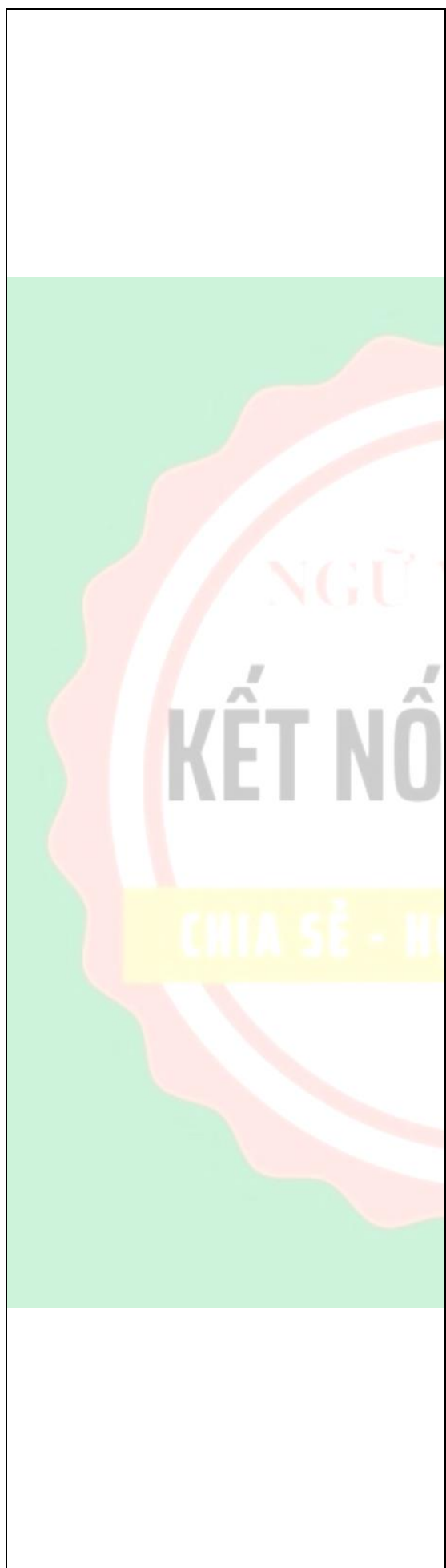
b. Nội dung: HS thực hành viết báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Bản báo cáo được HS viết và trình bày trên giấy A4, hoặc vở, trình chiếu... đáp ứng yêu cầu của đề bài (Nên lựa chọn vấn đề từ tác phẩm văn học, có thể từ đời sống xã hội)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị viết B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS tìm hiểu phần Chuẩn bị viết và xây dựng đề	III. THỰC HÀNH VIẾT 1. Chuẩn bị viết a) <u>Lựa chọn đề tài:</u>

cương trong SGK tr 147-148; trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi: Câu 1: + Đề tài của báo cáo nghiên cứu về một vấn đề là gì? + Đề lựa chọn được đề tài nghiên cứu cần có những lưu ý nào? + Xét theo nguồn gốc, tài liệu được chia làm mấy loại? Câu 2 + Có thể thu thập, xử lý thông tin như thế nào để chuẩn bị viết báo cáo? Câu 3 + Bạn lựa chọn đề tài nào để viết báo cáo về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội (Đề tài qua tác phẩm văn học hay từ thực tế đời sống?) + Tên của văn bản là gì? + Văn bản sẽ được viết với bố cục như thế nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu. - HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và Ghi lên bảng.	- Đề tài của báo cáo kết quả nghiên cứu có thể là một vấn đề xã hội như một sự kiện văn hóa – lịch sử, một vấn đề khoa học – nghệ thuật, một hiện tượng tâm lí, cũng có thể là một vấn đề tự nhiên như môi trường, khí hậu, tài nguyên,... - Với loại đề tài là vấn đề tự nhiên, xã hội được đề cập đến trong một TPVH đã học, có thể lựa chọn theo hướng: + Qua các tác phẩm đã học và đọc, chỉ ra những vấn đề tự nhiên, xã hội được đề cập đến trong các sáng tác đó (Vd: Vĩnh biệt CTD-mối quan hệ giữa nghệ sĩ và thời cuộc, cá nhân và lịch sử; Chí Phèo- thân phận của người nông dân thời Pháp thuộc, hay tình thương có thể cứu vớt con người...; Sống hay không sống- lí tưởng sống của con người... + Trong số những vấn đề đó, vấn đề nào bạn quan tâm, hứng thú? + Viết ra tất cả các cách tiếp cận đối với vấn đề (từ góc độ lịch sử, nghệ thuật, liên ngành); Với mỗi cách tiếp cận hãy đặt ra các câu hỏi bạn muốn tìm hiểu. + Lựa chọn câu hỏi mà bạn cảm thấy hứng thú nhất và viết một giả thiết nghiên cứu. - Với loại đề tài là một vấn đề tự nhiên, xã hội trong đời sống, có thể lựa chọn theo hướng: + Vấn đề, hiện tượng đời sống nào bạn quan tâm, có hứng thú? + bạn sẽ tiếp cận vấn đề đó từ góc độ nào? Hãy đặt ra các câu hỏi từ góc độ tiếp cận đó. -> Đề lựa chọn được đề tài nghiên cứu, trước tiên bạn cần xác định phạm vi vấn đề mà mình thực sự quan tâm, hứng thú, sau đó, lựa chọn một góc độ tiếp cận phù hợp với vấn đề, có thể là từ góc độ lịch sử, địa lí, khoa học hay nghệ thuật, hoặc liên ngành – kết hợp nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Từ mỗi góc độ tiếp cận, hãy đặt ra những câu hỏi nghiên cứu và chọn một câu hỏi mà bạn hứng thú nhất và viết một nhận định về mục tiêu nghiên cứu của mình. b) Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin: - Mỗi nguồn tài liệu có thể cung cấp những loại thông tin khác nhau, phù hợp với những chủ đề khác nhau.
---	---

	+ Các từ điển bách khoa có thể cung cấp một cái nhìn tổng quan về vấn đề. Các tài liệu tham khảo chuyên môn cho biết những thông tin chi tiết, cụ thể. Các bản ghi chép bài phỏng vấn, diễn văn giúp hiểu hơn về các chủ đề lịch sử, văn chương, khoa học. Báo và tạp chí cung cấp những tin tức, sự kiện,... mới nhất về vấn đề mà bạn quan tâm. + Các văn bản quảng cáo cho biết thêm thông tin về các chủ đề liên quan đến kinh tế, văn hóa đại chúng. Các ảnh chụp, video clip, bản ghi âm, tư liệu về hiện vật được trưng bày trong bảo tàng; các hình ảnh minh họa, bản đồ, bảng biểu, số liệu;... cho biết những tri thức cụ thể, chi tiết về vấn đề;... + Trước khi tìm kiếm thông tin, hãy cân nhắc nguồn tư liệu nào có ý nghĩa nhất đối với nghiên cứu của bạn. - Xét về nguồn gốc, có thể chia các tài liệu thành hai loại: tài liệu gốc và tài liệu phái sinh. Tài liệu gốc là nguồn tài liệu được tạo ra bởi những người trực tiếp chứng kiến, tham gia các sự kiện, ví dụ: thư từ, nhật ký, diễn văn, ảnh chụp, tự thuật, email, bản tường thuật từ ngôi thứ nhất,... Nguồn tài liệu gốc có thể giúp bạn hình dung ra được không khí và các chi tiết cụ thể về sự kiện, song thường chứa đựng cái nhìn có tính chất thiên kiến của tác giả. Nguồn tài liệu phái sinh là những bản ghi được tạo ra sau các sự kiện, bởi những người không trực tiếp chứng kiến, tham gia, ví dụ: tiểu sử, từ điển bách khoa, bản ghi lời kể của người được chứng kiến,... Tài liệu phái sinh có thể đưa lại cái nhìn tổng quan, đa chiều về vấn đề, nhưng độ tin cậy lại phụ thuộc vào nguồn tài liệu mà chúng dựa vào. - Sau khi thu thập được những thông tin đáng tin cậy, bạn cần lưu trữ chúng một cách hệ thống, khoa học. Có một số cách phổ biến để lưu trữ thông tin như: tóm tắt, trích dẫn. Tóm tắt là nắm bắt các nội dung cốt lõi của tài liệu và diễn đạt chúng một cách ngắn gọn dựa vào các từ khóa. Trích dẫn là ghi chép nguyên văn các thông tin và sử dụng dấu ngoặc kép để đánh dấu những phần trích dẫn (trích dẫn trực tiếp) hoặc diễn giải lại các thông tin bằng ngôn ngữ của mình (trích dẫn gián tiếp).
--	--

Nhiệm vụ 2: Tìm ý và lập dàn ý B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Dựa trên phân lựa chọn đề tài, GV cho HS trao đổi thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi: + Văn bản sẽ tập trung vào những nội dung nào? + Những nội dung đó nên được thể hiện bằng những luận điểm, luận cứ nào? Luận điểm nào cần được tập trung, nhấn mạnh? + Cách diễn đạt phải đảm bảo những yêu cầu gì? + Có thể sử dụng kết hợp những phương tiện phi ngôn ngữ nào trong văn bản? + Có thể tham khảo những nguồn tài liệu nào? - HS xây dựng đề cương theo nhóm - HS thảo luận và viết lên giấy A4. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu. - HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và Ghi lên bảng.	2. Xây dựng đề cương. - Sau khi đã có được những thông tin bao quát về vấn đề, bạn có thể tìm thấy một cách triển khai vấn đề riêng của mình. Hãy tham khảo phần hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu đã được học ở sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập một, tr. 117 – 118 để phác thảo đề cương chi tiết cho đề tài của bạn. - Đề cương nghiên cứu cần những nội dung sau + Đặt vấn đề: Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu + Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng + Kết luận: Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới. + Tài liệu tham khảo: Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố - Cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng để làm sáng tỏ các ý.
Nhiệm vụ 3: Thực hành viết và chỉnh sửa, hoàn thiện B1. Chuyển giao nhiệm vụ: * Giao đề bài: GV yêu cầu các nhóm HS thực hành viết báo cáo về vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đặt ra từ tác phẩm văn học hoặc từ đời sống.	2. Thực hành viết và chỉnh sửa, hoàn thiện a) Thực hành viết - Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong dàn ý thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc ở cuối câu - Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp (Sử dụng các câu mệnh lệnh; Sử dụng các động từ chỉ rõ hoạt động; Sử dụng các đại từ nhân xưng không mang tính chất cá nhân)

- Ví dụ: Nạn đói năm Ất Dậu và bức tranh hiện thực trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân - Quan niệm sống của giới trẻ: tận hưởng hay tận hiến? <i>Văn bản</i> được trình bày trên giấy A4, vở ghi hoặc trình chiếu. * GV chia lớp thành 6-8 nhóm. Thực hành viết theo đề tài đã lựa chọn (Chuẩn bị ở nhà) B2. Thực hiện nhiệm vụ: * Hướng dẫn học sinh viết - HS hoàn thiện bài viết theo yêu cầu (dựa trên bài viết đã chuẩn bị ở nhà) - GV phát <i>Bảng kiểm số 1</i> cho mỗi nhóm, nội dung bảng kiểm là các tiêu chí đánh giá bài viết của các nhóm HS thảo luận và ghi kết quả ra giấy A4, hoặc vở ghi - GV trình chiếu bảng kiểm số 1, phân tích, giải thích các tiêu chí; yêu cầu HS dựa trên dàn ý đã làm và bảng kiểm số 1, hoàn thiện và trình bày văn bản trên giấy A4, vở ghi * Hướng dẫn HS xem lại và chỉnh sửa - GV yêu cầu HS dựa trên các tiêu chí trong bảng kiểm số 1, xem lại văn bản đã viết và chỉnh sửa nếu cần. Thời gian thực hiện 5-7 phút. - HS xem lại và chỉnh sửa bản nội quy đã viết. B3. Báo cáo thảo luận GV tổ chức cho các nhóm HS dán sản phẩm (văn bản đã viết và trình bày trên giấy A4) lên vị trí đã quy định hoặc gửi văn bản vào nhóm zalo và thuyết minh ngắn gọn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện	- Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic - Cần ghi nguồn đúng cách khi trích dẫn trực tiếp, gián tiếp - Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ dựa vào trật tự chữ cái đầu trong tên hoặc họ của tác giả - Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ...để hỗ trợ việc nắm bắt thông tin của người đọc. b. Chỉnh sửa và hoàn thiện Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo các tiêu chí sau: - Tuân thủ cấu trúc của văn bản nội quy, hướng dẫn - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đúng theo quy cách. - Sắp xếp các nội dung theo trình tự hợp lí.
---	---

- Mỗi nhóm HS dùng bảng kiểm số 1 để đánh giá bài của 1 nhóm khác (theo sự phân công của GV) và GV cũng dùng bảng kiểm này để đánh giá bài của từng nhóm HS. - Các nhóm HS phản hồi, rút kinh nghiệm và các nhân học sinh tự chỉnh sửa văn bản sau khi nhận được góp ý từ GV và các nhóm khác.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết được cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội; Những luận điểm, những ý chính khi triển khai phần viết bài báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung

- Xác định được ưu, khuyết điểm khi viết bài để kịp thời điều chỉnh.

c. Sản phẩm

- Bài viết (đã chỉnh sửa) theo quan điểm cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Viết một bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội</i> GV nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo phiếu học tập phụ lục 2. B3. Báo cáo thảo luận: GV thu lại một số bài viết của HS, đọc trước cả lớp và cho HS nhận xét về các bài viết. B4. Đánh giá kết quả thực hiện	Học sinh tự chỉnh sửa bài viết theo hướng sau: + Bố cục phù hợp với một báo cáo nghiên cứu, gồm các phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo. + Các thông tin tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy. + Các luận điểm, bằng chứng rõ ràng, chặt chẽ. + Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu (ngữ pháp). GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa theo phụ lục 3- Rubric đánh giá.

4. củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn nói và nghe theo hệ thống gợi dẫn SGK.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bảng kiểm

Đánh giá văn bản Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

Tiêu chí đánh giá	Đạt
1. Nhan đề: Vấn đề nghiên cứu được nêu ngắn gọn, rõ ràng, hấp dẫn	
2. Bố cục đủ 3 phần	
Đặt vấn đề: Giới thiệu khái quát vấn đề và quan điểm của người viết	
Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, có các dữ liệu, bằng chứng chính xác, tiêu biểu.	
Kết luận: Tổng hợp lại vấn đề nghiên cứu và đánh giá tầm quan trọng của vấn đề đó trong nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới (khẳng định đóng góp của bản báo cáo)	
3. Các luận điểm được trình bày rõ ràng, mạch lạc; có trọng tâm, điểm nhấn.	
4. Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ	
5. Tuân thủ quy tắc chính tả, ngữ pháp.	
6. Hình thức trình bày khoa học, trang trí phù hợp với nội dung	
7. Tài liệu tham khảo: sắp xếp tên tài liệu hoặc tên tác giả theo trình tự hợp lý; có xuất xứ rõ ràng	

Phụ lục 2

PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT	
➤ Nhiệm vụ: Hãy rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải	
Câu hỏi đánh giá	Gợi ý chỉnh sửa bài viết
Ví dụ: 1. Phần đặt vấn đề đã giới thiệu ngắn gọn, tường minh vấn đề cần bàn luận chưa?	Ví dụ: - Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó.

		- Nếu chưa, hãy sửa chữa hoặc viết lại 1-2 câu giới thiệu về vấn đề sẽ bàn luận.	
	2. Phần giải quyết vấn đề đã nêu được các nội dung cụ thể sau chưa? - Các luận điểm đã mạch lạc, rõ ràng và nhất quán trong đánh giá vấn đề chưa? - Lập luận đã khách quan, chặt chẽ chưa? - Các cứ liệu, bằng chứng đã tinh gọn, đầy đủ chưa? - Việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú các ý kiến được trích dẫn đã minh bạch chưa?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, đánh dấu chỗ cần bổ sung và ghi các câu bổ sung bên lề hoặc giấy nhớ.	
	3. Phần kết luận có khái quát được ý nghĩa của vấn đề không?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, có thể viết thêm vào cuối đoạn.	
	4. Có mắc lỗi về ý (thiếu ý, lặp ý, lạc ý), lỗi chính tả, trình bày, dùng từ và diễn đạt,... nào không?	Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân các lỗi đó và nêu cách chữa bên cạnh hoặc bên lề giấy.	
- Yêu cầu HS chuẩn bị trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung cho tiết Trả bài.		Nghe và ghi chép thêm các lưu ý của thầy/cô giáo.	

Phụ lục 3 Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả

			Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao
			Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4 Bài viết tham khảo:

Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về kiến trúc Hoàng Thành Thăng Long.

Kiến trúc kinh thành, cổ đô phong kiến ở Việt Nam luôn mang theo cái gì đó rất chung và rất riêng với văn hóa kiến trúc của Trung Hoa và nó luôn thể hiện nét đẹp truyền thống, văn hóa lịch sử lâu đời của người Việt. Bên cạnh quần thể kiến trúc Cổ đô Huế từ xưa, người Việt vẫn luôn tự hào với kiến trúc thành Thăng Long – tòa thành đã trải qua biết bao năm tháng của lịch sử.

Như chúng ta đã biết, kinh thành Thăng Long luôn được gắn với một sự kiện lịch sử nổi tiếng đó là vào năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư đến Đại La và cho xây dựng kinh thành Thăng Long. Cùng với đó là hàng loạt các cung điện, lăng tẩm được xây dựng, nổi bật là công trình Điện Kính Thiên cao tới 2 tầng rộng hơn 2300 mét vuông. Thời Hậu Lê, thành Thăng Long vẫn được coi là kinh đô, trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước.

Về vị trí, kinh thành Thăng Long tọa lạc ở phía Bắc Việt Nam và được giảm dần về diện tích qua các triều đại. Ở thời Hậu Lê, hầu như không xây dựng thêm các chùa tháp mà chủ yếu là trùng tu. Thay vào đó, hàng loạt phủ đệ mới của giới quý tộc, quan lại trung ương được xây dựng, tạo ra hình ảnh một kinh thành Thăng Long đầy quyền uy, thâm nghiêm.

Về kiến trúc, trải qua thời gian và những biến cố của lịch sử, thành Thăng Long đã có nhiều thay đổi, biến dạng, nhưng đến nay vẫn còn thấy được cả di tích trên mặt đất, dưới lòng đất, di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật,... tạo thành hệ thống các di tích được đánh giá là quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích đô thị cổ, trung, cận, hiện đại của nước ta. Hiện tại, trong khu vực trung tâm Thành cổ Thăng Long – Hà Nội còn lại 5 điểm di tích nổi trên mặt đất phân bố theo trục Bắc – Nam, còn gọi là “Trục chính tâm”, “Trục ngự đạo”, gồm có: Kỳ Đài, Đoan Môn, nền điện Kính Thiên, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và kiến trúc cổng hành cung thời Nguyễn, di tích nhà và hầm D67, các công trình kiến trúc Pháp...

Kinh thành Thăng Long từ thời Lý được xây dựng theo cấu trúc ba vòng thành, gọi là “tam trùng thành quách”: vòng thành ngoài là La thành hay Đại La thành, vòng thành giữa là Hoàng thành (thời Lý – Trần – Lê gọi là Thăng Long thành, thời Lê còn gọi là

Hoàng thành) và vòng thành trong cùng gọi là Cẩm thành (hay Cung thành). Cẩm thành từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18 hầu như không thay đổi và còn bảo tồn cho đến nay hai vật chuẩn rất quan trọng: Thứ nhất là nền điện Kính Thiên xây dựng thời Lê sơ (1428) trên nền điện Càn Nguyên (sau đổi tên là điện Thiên An) thời Lý, Trần. Đó vốn là vị trí của núi Nùng (Long Đỗ – Rón Rông), được coi là tâm điểm của Cẩm thành và Hoàng thành, nơi chung đúc khí thiêng của non sông đất nước theo quan niệm phong thủy cổ truyền, mà di tích hiện còn là nền điện với bậc thềm và lan can đá chạm rồng thế kỷ 15. Thứ hai là cửa Đoan Môn, cửa Nam của Cẩm thành thời Lý – Trần – Lê. Trên vị trí này hiện nay vẫn còn di tích cửa Đoan Môn thời Lê.

Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), trong sách Đại Việt địa dư chí toàn biên có đoạn mô tả khá rõ ràng về Hoàng thành Thăng Long thời Lê: “Ở giữa là Cung thành, trong cửa Cung thành là Đoan Môn. Trong Đoan Môn là điện Thị Triều, trong điện Thị Triều là điện Kính Thiên. Bên hữu Kính Thiên là điện Chí Kính, bên tả là điện Vạn Thọ. Bên hữu Đoan Môn là Tây Trường An, bên tả là Đông Trường An, ở giữa có Ngọc Giản. Trong Hoàng thành và ngoài Cung thành ở phía Đông là Thái Miếu, sau là Đông Cung”.

Để giúp thế hệ sau và bạn bè quốc tế hiểu thêm về lịch sử Việt Nam cùng Hoàng thành Thăng Long, đêm tour “Giải mã Hoàng thành Thăng Long” đã được tổ chức thành công. Đây không chỉ là một sự kiện quảng bá văn hóa, du lịch mà nó còn là cách để thế hệ sau tôn vinh, tự hào về lịch sử, văn hóa của dân tộc mình.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, chiến tranh, thuộc địa... Kinh thành Thăng Long vẫn nằm đó như một minh chứng trường tồn của lịch sử, về một thời huy hoàng đã qua đi của dân tộc. Chúng ta – thế hệ con cháu phải biết bảo tồn, gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của Hoàng thành đến thế hệ tương lai và bạn bè quốc tế.

Dưới đây là một số nguồn tham khảo để em có thể hoàn thiện bản báo cáo của mình:

1. TTXVN (2010), *Thăng Long thời Lê, thời Mạc-Lê, Trung Hưng (1428-1788)*, Ban Tuyên giáo Trung ương.
2. *Sở Du lịch Hà Nội* (2020), *Khu di tích Hoàng thành Thăng Long*, Cổng thông tin điện tử Quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội.
3. Quang Dương (2018), *Hoàng thành Thăng Long – Dấu ấn văn hóa, kiến trúc độc đáo*, Báo Xây dựng.

Bài 5

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 49,50:

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) (02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.
- Biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

2. Về năng lực:

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.
- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài.

- HS trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính.
- HS sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, các phần mềm hỗ trợ trình bày báo cáo (Powpoint, Canva, Azota, Googleform...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Nhắc HS nhớ lại kiến thức bài trình bày báo cáo đã học ở lớp 10, tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV chiếu video thuyết trình về một bài báo cáo
- HS theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý

c. Sản phẩm: Những điều HS khắc sâu về bài báo cáo

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video Link: https://www.youtube.com/watch?v=shsENf2clVg	HS nhớ lại cách tiến hành bài báo cáo - Chuẩn bị bài báo cáo logic, khoa học - Tự tin thuyết trình - Thay thế phần thuyết trình bằng các bảng biểu hoặc sơ đồ tư duy, phương tiện phi ngôn ngữ ...
B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý khi báo cáo	
B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh xác định được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề, nội dung cần trình bày, hình thức trình bày
- Học sinh trình bày khái quát kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm bài nói
- Học sinh nêu được thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: Những lưu ý của HS rút ra được từ bài học mục Chuẩn bị nói, Dàn ý bài báo cáo

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm					
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị nói B1. Chuyển giao nhiệm vụ (đã được chuẩn bị ở nhà) - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị nói. - HS đọc và ghi chép lại các thông tin về những điều cần xác định khi chuẩn bị nói? - Chú ý chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ trong trong bài báo cáo (nếu có). B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh đọc sgk và rút ra những nội dung cần chuẩn bị khi nói B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh bổ sung khi cần thiết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét ưu điểm, hạn chế và chốt kiến thức, kĩ năng.	I. Chuẩn bị nói - Tìm hiểu về đối tượng nghe, bối cảnh giao tiếp: Trả lời cho câu hỏi: Ai nghe, nghe trong hoàn cảnh nào? - Xác định mục đích giao tiếp: Báo cáo nghiên cứu này nhằm mục đích gì? - Xác định nội dung cần trình bày? - Xác định hình thức trình bày, phương tiện hỗ trợ: Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo nghiên cứu nhằm đảm bảo: Tối giản, trực quan và ấn tượng. - Hình thức tổ chức: Buổi hội thảo, sắp xếp kiểu bàn ghế, chọn MC, thư kí... II. Thực hành nói					
Nhiệm vụ 2: Thực hành nói B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại dàn ý bài báo cáo gồm những phần nào? Nội dung gì? GV chọn 2 hoặc 3 nhóm trong số 4 nhóm đã giao nhiệm vụ ở nhà lên trình bày bài nghiên cứu B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nhắc về yêu cầu dàn ý của bài nói - Học sinh thực hành nói – nghe bài đã chuẩn bị ở nhà B3. Báo cáo, thảo luận	<table><tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr><tr><td>- Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có (có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi - lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi...).- Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu</td><td>- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có)</td></tr></table>	Người nói	Người nghe	- Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có (có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi - lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi...).- Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu	- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có)	
Người nói	Người nghe					
- Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có (có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi - lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi...).- Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu	- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có)					

Học sinh các nhóm lắng nghe báo cáo theo văn bản đã chuẩn bị trước, ghi nhận xét và đặt câu hỏi (hoặc bổ sung ý kiến) thảo luận ra giấy.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.

Nhiệm vụ 3: Trao đổi, đánh giá

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá về bài trình bày của nhóm bạn

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ đặt câu hỏi, phản biện về vấn đề vừa trình bày

B3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubic (sgk tr151)

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận và phát hiện chính		
2	Trình bày được một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết làm rõ luận điểm		
3	Lựa chọn hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, ... phù hợp để trực quan hóa, cụ thể hóa thông tin		

chính; cảm ơn và xin tiếp thu những ý kiến đóng góp.

III. Trao đổi, đánh giá

- HS trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn

Người nói	Người nghe
- Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe. - Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu).	- Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu) - Đặt ra các câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về đề tài. - Phản biện lại những nội dung vừa trình bày hoặc đưa ra các kiến giải khác, một nguồn thông tin khác về vấn đề.

- Những lưu ý khi trình bày bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề:

+ Nội dung bài báo cáo lựa chọn được vấn đề phù hợp; nội dung thông tin chính xác; luận điểm rõ ràng, cách triển khai logic, thuyết phục.

+ Cách trình bày:

++ Người nói: ngữ điệu phù hợp, rõ ràng, truyền cảm; chú ý đến thái độ của người nghe để điều chỉnh cách trình bày; có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả

++ Người nghe: chú ý lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết giúp hiểu nội dung và có những đánh giá, phản hồi phù hợp; trao đổi, thảo luận.

4	Sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu hiệu quả		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực từ những câu hỏi, phản biện của người nghe		
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.			

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hành bài nói và nghe
- b. Nội dung:** HS các nhóm được phân công nhiệm vụ đã chuẩn bị bài báo cáo, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói và nghe đã chuẩn bị trước ở nhà theo rubic đánh giá
- c. Sản phẩm:** Bài trình bày của HS có kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ
- d. Tiến trình thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày bài nghiên cứu của nhóm mình B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubic(sgk tr151) Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.	HS thực hiện bài báo cáo và trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Học sinh tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo ở nhà
- b. Nội dung:** HS báo cáo vấn đề đã nghiên cứu dựa trên văn bản đã chuẩn bị
- c. Sản phẩm:** Bài báo cáo của HS
- d. Tiến trình thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà Học sinh tiếp tục chuẩn bị bài báo cáo và thảo luận B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày phần bài làm của mình B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện	Trao đổi 1. Người nghe Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề và có thể đóng góp ý kiến bổ sung sau giờ học. 2. Người nói

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp và hoàn thiện bài báo cáo.

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn bài mới theo hệ thống gợi dẫn SGK.

